

Bản án số: **133/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 11-8-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Cao Thị Trúc Linh.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Lê Văn Kiệt.**

2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Đào.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Ngọc Yến Oanh** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:* ông **Danh Nguyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 42/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐXXST-HN ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1967. xin vắng

Địa chỉ: số 1283 ấp Phong Thuận, xã T, thành phố Mỹ, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Chị Võ Thị Lệ T1, sinh năm 1973. vắng mặt

Địa chỉ: số 795 tổ 18A, ấp Phong Thuận, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên anh Nguyễn Văn T trình bày: anh và chị T1 quen biết nhau từ năm 2010 và chung sống như vợ chồng đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào 25/8/2014. Thời gian chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không phù hợp, năm 2021 anh quyết định đưa con gái đi xét nghiệm ADN thì phát hiện cháu Nguyễn Võ Thanh T2 không phải là con ruột. Nhận thấy hiện tại anh đã không còn tình cảm với chị T1 nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: thời gian hôn nhân có 01 con chung tên Nguyễn Võ Thanh T2 sinh ngày 12/7/2014, tuy nhiên căn cứ vào kết quả xét nghiệm ADN thì cháu T2 không phải là con chung giữa anh và chị T1, nên anh yêu cầu Tòa án không công nhận cháu T2 là con chung giữa anh và chị T1.

- Về tài sản chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản hòa giải không thành ngày 23 tháng 6 năm 2022 chị Võ Thị Lê T1 trình bày thống với lời trình bày của anh T về thời gian xác lập hôn nhân và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Nhận thấy không thể hàn gắn mối quan hệ hôn nhân nên chị đồng ý ly hôn với anh T. Về tài sản chung và nợ chung chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung chị T1 khẳng định giữa chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Võ Thanh T2 sinh ngày 12/7/2014, chị không thống nhất với kết quả xét nghiệm ADN. Ly hôn chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T2 mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng và vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình, và có đơn xin xét xử vắng mặt còn bị đơn chưa thực hiện đúng và vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung theo lập luận nêu tại bài phát biểu. Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T. Không công nhận cháu Nguyễn Võ Thanh T2 là con chung của anh Nguyễn Văn T và chị Võ Thị Lê T1. Về tài sản chung và nợ chung anh T và chị T1 trình bày không có, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Võ Thị Lê T1, và yêu cầu xác định cháu Nguyễn Võ Thanh T2 không phải con chung của anh T và chị T1. Bị đơn hiện đang cư trú tại thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định là tranh chấp ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn không có đơn xin vắng và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do lần thứ 2. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị T1 cưới nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 25/8/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới anh T và chị T1 chung sống

hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Tại phiên tòa, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị T1. Tuy chị T1 vắng mặt không có lý do nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị T1 cũng đồng ý ly hôn. Xét sự thống nhất ly hôn giữa anh T và chị T1 là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T với chị T1.

[3.2] Về con chung: Thời gian hôn nhân, giữa anh T và chị T1 có 01 con chung tên Nguyễn Võ Thanh T2 sinh ngày 12/7/2014, tuy nhiên anh T xác định cháu T2 không phải con ruột của anh và chị T1 nên yêu cầu Tòa án xác định giữa anh và chị T1 không có con chung đồng thời xác định cháu T2 không phải con ruột của anh T, chị T1 không đồng ý với lời trình bày của anh T. Căn cứ vào nội dung kết quả giám định ADN của Phân viện pháp y quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/6/2022, giữa anh Nguyễn Văn T và cháu Nguyễn Võ Thanh T2 không có quan hệ huyết thống cha – con nên có cơ sở để xác định giữa anh Nguyễn Văn T và cháu T2 không có quan hệ huyết thống cha con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: quá trình giải quyết vụ án anh Tấn và chị Trinh trình bày thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Chi phí giám định: Chị Võ Thị Lệ T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5]. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

- Về hôn nhân: anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn với chị Võ Thị Lệ T1.

- Về con chung: Không có.

Xác định cháu Nguyễn Võ Thanh T2 sinh ngày 12/7/2014 không có quan hệ huyết thống cha con với anh Nguyễn Văn T

Đương sự có quyền liên hệ với cơ quan chức năng để cải chính hộ tịch cho cháu Nguyễn Võ Thanh T2

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004672 ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M nên anh đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết .

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TPMT;
- UBND xã Tân Mỹ Chánh, TP Mỹ Tho;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Đã ký

Cao Thị Trúc Linh